

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 31 - 7- 2023
V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Ông Lê Minh Chiêu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 127/2023/TLST - HNGĐ ngày 19/6/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Thiệu Huy T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2023 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Thiệu Huy T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 14/11/2013 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 8/2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình phân tích khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không thể hòa hợp được. Vợ

chồng đã sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 8/2016 đến nay. Hiện nay chị không có thai nghén gì. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Thiều Huyền C, sinh ngày 08/4/2016. Hiện nay cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con. Chị yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị hàng tháng là 1.000.000 đồng/1 tháng, cho tới khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/6/2023, anh Thiều Huy T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/11/2013 tại UBND xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 8/2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng sống không được hạnh phúc. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình giàn xếp và vợ chồng cũng đã trao đổi và nói chuyện với nhau, nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Vợ chồng anh đã sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý từ tháng 8/2016 cho tới nay, hai bên không quan tâm gì tới nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Thiều Huyền C, sinh ngày 08/4/2016. Hiện nay, cháu khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị N. Khi ly hôn anh có nguyện vọng giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị N hàng tháng là 1.000.000 đồng/1 tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 11/7/2023 cho tới khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N và anh T xin vắng mặt và đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS. Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX giải quyết: Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn

Thị N, xử cho chị được ly hôn anh Thiệu Huy T. Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho tới khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con. Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Chị N và anh T có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị N và anh T sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị N xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung:* Chị N và anh T có 01 con chung là Thiệu Huyền C, sinh ngày 08/4/2016. Hiện nay, con khỏe mạnh bình thường và đang ở với chị N. Nguyên vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng 1.000.000đồng. Anh T cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiệu Huyền Chi và đồng ý mức cấp dưỡng.

HĐXX xét thấy quan điểm của hai bên về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là thống nhất nên được ghi nhận cho chị N trực tiếp nuôi con. Anh T thực hiện N vụ cấp dưỡng nuôi chung mỗi tháng 1.000.000đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung chị N không được ngăn cấm.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị N khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Về Hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Thiệu Huy T.

Về con chung: Giao cháu Thiệu Huyền C, sinh ngày 08/4/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T thực hiện N vụ cấp dưỡng nuôi chung hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh T có quyền, N vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và N vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị N đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2022/0001459 ngày 19/6/2023. Chấp nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: T quyền kháng cáo bản án cho chị N và anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng